

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---***---

Án số 19/2018/HSST
Ngày 26/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Cự - Nguyên Hiệu trưởng trường THCS xã Đông Xuân.

Bà Phan Thị Thúy Hà - Phó chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Đông Hưng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Trà Giang - Kiểm sát Viên

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Đông Hưng; Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2017/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX- ST ngày 12/4/2018 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 18/9/2000

HKTT: Thôn H T, xã Đ C, huyện Đ H, tỉnh TB.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Ngh sinh năm 1973; Mẹ đẻ Phạm Thị B sinh năm 1973

Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.)

Người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo
Phong: Bà Phạm Thị B sinh năm 1973 - Là mẹ đẻ của bị cáo

Địa chỉ: Thôn H T, xã Đ C, huyện Đ H, tỉnh T B.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Chị Bùi Thị Nh sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã ĐS, huyện ĐH, tỉnh TB

(Xin vắng mặt)

- Người làm chứng: Anh Trần Danh Đ sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn CD 1, xã ĐL, huyện ĐH, tỉnh TB

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 6 giờ 50 phút ngày 07/2/2018, Nguyễn Văn Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B2- 097.33 từ nhà ra đường 217 mục đích lên công ty may B M ở xã ĐL làm việc. Khi đến trước cửa hàng tạp hóa Đ Nh của gia đình chị Bùi Thị Nh sinh năm 1980 ở thôn B, xã Đ S, huyện Đ H, tỉnh TB, bị cáo Ph dừng xe ở bên ngoài trước cửa hàng mục đích vào mua lương khô ăn sáng. Khi đi vào trong cửa hàng Ph thấy không có người bán hàng. Lúc này chị Nh đang pha sữa cho con ở gian nhà bên trong. Phía bên phải cửa hàng (nhìn từ ngoài cửa vào) tại quầy thanh toán tiền có để một chiếc hòm bằng tôn sáng màu đã cũ, kích thước (0,54 x 0,35 x 0,24)m không khóa. Ph nghĩ bên trong hòm có tiền, quan sát xung quanh không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong hòm tôn. Ph cúi thấp người, mục đích để nếu trong nhà có người sẽ không bị phát hiện và đi đến gần chiếc hòm tôn dùng tay trái mở nắp hòm rồi luồn tay phải vào bên trong, tay trái giữ nắp hòm tôn thì thấy có một chiếc túi xách giả da màu nâu nhỏ có một ngăn bên ngoài đã hỏng khóa và ba ngăn bên trong. Ph nghĩ chiếc túi này đựng tiền nên đã lấy chiếc túi ra khỏi hòm tôn, tay trái đẩy nhẹ chiếc hòm tôn lại để tránh gây tiếng kêu. Khi lấy được túi ra ngoài Ph nhìn thấy trong túi xách có tiền nên cầm chiếc túi đi ra xe mô tô, cài túi vào giá đèo hàng phía trước của xe rồi điều khiển xe đi ra quốc lộ 10 để đi đến công ty làm việc. Khi đi qua UBND xã Đ L, huyện Đ H khoảng 100m thì bị cáo Ph rẽ phải đi đến một bãi rác gần chùa G thuộc xã Đ L thì dừng xe mở chiếc túi xách vừa trộm cắp được ra thấy một ngăn bên trong túi xách đựng một buộc tiền loại mệnh giá 500.000 đồng được buộc bằng dây nịt cao su, ngăn bên cạnh đựng nhiều buộc tiền loại mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng được buộc bằng dây nịt cao su. Ph lấy toàn bộ số tiền bỏ vào cốp xe mô tô, Ph không kiểm đếm nên không biết đã trộm cắp được bao nhiêu tiền. Ph nhìn bên trong chiếc túi xách còn một chùm chìa khóa, có 5 chìa và một quyển sổ ghi chép nhỏ. Ph để nguyên trong túi và để chiếc túi xách đó lên miệng một bao đựng rác ở bãi rác rồi điều khiển xe về công ty may B M làm việc. Xe mô tô Ph gửi trong bãi xe của công ty, số tiền trộm cắp vẫn để nguyên trong cốp xe. Khoảng 10 giờ cùng ngày Ph nghĩ làm lấy xe mô tô đi đến cửa hàng mua bán xe cũ của anh Trần Danh Đ, sinh năm 1976 ở thôn C D , xã Đ L, Đ H, tỉnh TB để bán xe. Anh Đ trả chiếc xe 8.000.000 đồng, Ph đồng ý bán. Trong lúc anh Đ làm thủ tục mua bán xe Ph điều khiển xe mô tô đến cửa hàng của anh Bùi Văn Q sinh năm 1999 ở Đ V, Đ L, Đ H mua một chiếc túi xách giả da màu nâu có quai đeo bằng vải trị giá 200.000 đồng rồi Ph lấy toàn bộ số tiền trộm cắp được để ở trong cốp xe bỏ vào trong túi đeo lên người rồi điều khiển xe về cửa hàng anh Đ giao xe cho anh Đ rồi nhận tiền bán xe 8.000.000 đồng, và tiền anh Đ trả nợ trước 3.000.000 đồng bỏ vào trong ví, cơ

quan điều tra không quản lý số tiền này. Sau đó Ph nhờ anh Đ chở về công ty may B M làm việc. Trong lúc làm việc Ph để chiếc túi đựng tiền trộm cắp bên cạnh chỗ ngồi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Ph bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng triệu tập về trụ sở Công an huyện làm việc. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm đếm số tiền trong túi xách trước sự chứng kiến của Ph gồm 19 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 77 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 22 tờ loại mệnh giá 100.000 đồng, 48 tờ tiền loại mệnh giá 50.000 đồng. Tổng 29.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã lập biên bản quản lý chiếc túi xách cùng toàn bộ số tiền trên. Chị Nh sau khi pha sữa cho con ra quầy bán hàng thì phát hiện bị mất tiền trong hòm tôn, chị đã làm đơn trình báo Công an huyện Đông Hưng.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Hưng đã định giá chiếc túi xách của chị Nh trị giá 52.000 đồng.

Ngày 10/02/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã trả lại số tiền trên cho chị Nh

Chị Nh không yêu cầu Ph phải bồi thường giá trị chiếc túi xách, chum chìa khóa và cuốn sổ nhỏ do giá trị tài sản không lớn.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, Cáo trạng số 22/CT - VKSDH ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố Nguyễn Văn Ph về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 22/CT-VKSDH, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử bị cáo Ph về tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph từ **06 - 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo** và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 12 -18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đồng thời xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình chị Nh đã nhận lại toàn bộ số tiền bị mất không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc túi xách, chum chìa khóa và cuốn sổ nhỏ nên Đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX không giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Cụ thể khoảng 7giờ sáng ngày 07/2/2018, Ph đã có hành vi vào cửa hàng tạp hóa nhà chị Bùi Thị Nh ở thôn B, xã Đ S lén lút trộm cắp một chiếc ví giả da trị giá 52.000 đồng bên trong có 29.500.000 đồng tổng giá trị tài sản trộm cắp là 29.552.000 đồng đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Ph và bà Phạm Thị B là người đại diện hợp pháp, đồng thời là người bào chữa cho bị cáo đều xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài

sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên bà B đề nghị hội đồng xét xử xem xét vì Ph chưa đủ 18 tuổi, nên không hiểu biết pháp luật đề nghị HĐXX cân nhắc cho Ph được hưởng án treo.

Người bị hại vắng mặt tại phiên Tòa có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ph, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản là chiếc túi xách, chùm chìa khóa và cuốn sổ do giá trị tài sản không lớn.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật rất ân hận về việc làm của mình đề nghị HĐXX xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

PHÂN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về hành vi quyết định tố tụng: Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể vào 7giờ sáng ngày 07/2/2018, Nguyễn Văn Ph đã có hành vi vào cửa hàng tạp hóa nhà chị Bùi Thị Nh ở thôn B, Đ S lén lút trộm cắp một chiếc ví giả da trị giá 52.000 đồng bên trong có 29.500.000 đồng tổng giá trị tài sản trộm cắp là 29.552.000 đồng đúng như bản cáo trạng số 22/CT-VKSĐH ngày 03/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của người làm chứng, người bị hại, cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn Ph đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

[3] Về tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi do vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, quy định tại các Điều 91, Điều 101 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, do vậy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, **người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo**, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm **s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51** Bộ luật hình sự

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nh đã nhận lại số tiền bị mất và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại trị giá tài sản bị mất nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Chiếc túi xách giả da có quai đeo bằng vải, mặt trước túi có in chữ Jeep là công cụ bị cáo dùng phạm tội cần tiếp tục quản lý hóa giá xung công quỹ nhà nước.

- Chiếc xe mô tô BKS 17B2 – 097.33 bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội qua xác minh là của bà Phạm Thị B mẹ đẻ bị cáo mua lại, tuy nhiên qua xác minh không phải là xe vật chứng của vụ án. Bà B cho Ph mượn xe để đi làm, chiếc xe này Ph đã bán cho anh Đ. Anh Đ bán cho người khác, việc Ph bán xe bà B không biết, nhưng bà không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này nên không giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh : Bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm **s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 91, Điều 101, và Điều 65** Bộ luật hình sự .

Xử phạt Nguyễn Văn Ph 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/4/2018. Giao bị cáo Ph cho UBND xã ĐC giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 túi xách giả da có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 08/2/2018.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, vắng mặt có quyền làm đơn kháng án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bào chữa.
- Công an huyện Đông Hưng
- Chi cục T.HADS huyện Đông Hưng
- UBND xã ĐC
- Lưu

(Đã ký)

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hưng, ngày 26/4/2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Vào hồi giờ ngày 26/4/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự – Nguyên hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Đông Xuân. **Bà Phan Thị Thúy Hà – Phó chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Đông Hưng;**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn Phong, sinh ngày 18/9/2000

HKTT: Thôn Hoành Từ, xã Đông Cường, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào Điều 229 và Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa quả tranh luận tại phiên tòa. Các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN CỤ
THỂ NHƯ SAU**

1. Về tội danh : Bị cáo Nguyễn Văn Phong phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm **s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, và Điều 65** Bộ luật hình sự .

Xử phạt Nguyễn Văn Phong 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/4/2018. Giao bị cáo Phong cho UBND xã Đông Cường giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 túi xách giả da có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 08/2/2018.

Kết quả biểu quyết 3/3

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Phong phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, vắng mặt có quyền làm đơn kháng án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trình tự Phiên tòa:

- Khai mạc, đọc quyết định xx
- Thư ký báo cáo

- kiểm tra sự có mặt của những người có mặt phổ biến quyền và nghĩa vụ cho họ.(Quyền và nghĩa vụ cho bị cáo: Điều 61

Quyền.....hại : Điều 62,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan điều 65

Người làm chứng : Điều 66

Người chứng kiến : Điều 67

Người bào chữa : Điều 73

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự : Điều 84)

- Hỏi KSV và những người tham gia tt có đề nghị thay đổi những người THPT không

- yêu cầu người làm chứng cam đoan khai trung thực.

- giải quyết việc đề nghị thay đổi những người THPT

- Xem xét yêu cầu về việc triệu tập thêm người làm chứng. hoặc đưa vật chứng tài liệu ra xem xét không.(Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt hoặc có mặt nhưng vì lý do sức khỏe ko thể tham gia tố tụng thì chủ tọa hỏi xem có ai yêu cầu hoãn phiên tòa hay ko. Nếu có thì HĐXX xem xét QĐ

Tranh tụng tại phiên tòa :

- Công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung. (Ý kiến bổ sung ko được làm xấu đi tình trạng của bị cáo)

Tiến hành xét hỏi:

Trình tự hỏi: Thẩm phán, Hội thẩm, KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho đương sự

- người tham gia tố tụng có quyền đề nghị chủ tọa hỏi thêm những tình tiết để làm sáng tỏ thêm vụ án.

Thứ tự hỏi: Hỏi bị cáo, bị hại, đương sự, người đại diện của họ, người làm chứng

- Xem xét vật chứng

- Kết thúc hỏi

- kiểm sát viên trình bày bản luận tội.

Tranh luận

- Bị cáo, người bào chữa- Bị hại người đại diện hợp pháp của bị hại, đương sự

- KSV đối đáp

-Bị cáo nói lời sau cùng.

Nghị án và tuyên án

Kế hoạch xét hỏi :

- Hỏi bị cáo Phong:

Bị cáo đã nghe rõ nội dung bản cáo trạng mà đại diện VKS công bố hay chưa, .

- Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội gì, Bị cáo có ý kiến gì về việc VKS nội dung bản cáo trạng.

- bị cáo trình bày cụ thể hành vi của bị cáo dẫn đến việc bị cáo bị VKS truy tố

Sáng ngày 7/2/2018 bị cáo đi đâu bằng phương tiện gì , đã xảy ra việc gì.

- Mục đích bị cáo vào cửa hàng nhân đạo làm gì?

- Khi nào thì bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp

- Bị cáo đã có hành vi như thế nào để lấy chiếc túi trong hòm tôn.

- chiếc túi trong hòm tôn của nhà chị Nhâm có đặc điểm gì .

- Sau khi lấy được chiếc túi xách bị cáo đã đi đâu làm gì.

- bị cáo có kiểm đếm số tiền trộm cắp trong túi xách ko, trong túi xách có mấy buộc tiền gồm những loại tiền mệnh giá ntn

Sau khi lấy được chiếc túi xách bị cáo đã đi đâu làm gì. Số tiền lấy được ở nhà chị Nhâm bị cáo cất giữ ở đâu.

- Bị cáo lấy tiền ở đâu mua túi xách giả da của, mua túi giả da hết bao nhiêu tiền.

- Bị cáo bán xe cho anh Đức bao nhiêu tiền.

- Cơ quan Điều tra tiền hành thu giữ của bị cáo bao nhiêu tiền. Gồm những loại tiền gì.

- Ngoài lần trộm cắp tiền ở nhà chị Nhâm bị cáo còn lần nào khác bị cáo trộm cắp ở đâu không.

- Chiếc xe bị cáo đi là của ai.

- Bị cáo suy nghĩ gì về việc làm của mình.

Hỏi bà Bưởi :

- Bà có MQH thế nào với Phong. Phong con trai bà sinh ngày tháng năm nào.

Bà cho biết sáng 7/2/2018 bị cáo Phong đi đâu làm gì bằng phương tiện gì.

- chiếc xe mô tô 17B2-097 33 là của ai, phong sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà có biết ko.

- Phong bán chiếc xe trên của bà có hỏi ý kiến bà ko, nay bà có ý kiến gì v/v phong bán chiếc xe trên của bà .

- Là người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho phong bà có ý kiến gì

- **Công bố tài liệu :**

- công bố lời khai người bị hại chị Nhâm BL47 - 52 . Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của chị Nhâm.

- Công bố lời khai người làm chứng anh Trần Danh Đức BL 69 -70

- Công bố biên bản quản lý đồ vật

- kết luận định giá : BL 32 - 33

Nơi nhận:

- Bị cáo

- Bà Bưởi

- Chị Nhâm

- VKSND huyện Đông Hưng

- Công an huyện Đông Hưng

- Cục THA Dân sự huyện Đông Hưng

- UBND xã Đông Cường, Đông Hưng, TB

- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Nhung

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THÁI BÌNH

Số: 01/2018/CV- TA

Đông Hưng, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Bình

Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã thụ lý vụ án hình sự số 02/2018 ngày 05/01/2018 đối với các bị cáo: Quách Tuấn Anh, Phạm Công Thế, Quách Hoáng Nam

Đều ở địa chỉ: Thôn Lại Xá - Đông Tân - Đông Hưng - Thái Bình

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố về tội: “ Trộm cắp tài sản “ Theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét thấy bị cáo Quách Hoàng Nam sinh ngày 16/03/2001 là người chưa đủ 18 tuổi.

Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái bình xem xét cử người bào chữa cho bị cáo Quách Hoàng Nam.

Nơi nhận:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

- Trung tâm TGPL tỉnh Thái bình
- Bị cáo Nam
- Người đại diện hợp pháp cho BC
- lưu

Thẩm phán

Hà Thị Nhung

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**
Số: 01/2017HSST - QĐTG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hưng, ngày 07 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Căn cứ vào các Điều 44, 109, 113, 119, và 278 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80 /2017/HSST ngày 27/12/2017

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị can để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tạm giam bị can: **Bùi Công Trình**, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Cổ Dũng 1, xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Con ông: Bùi Công Phong sinh năm 1962

Con bà: Mai Thị Mẫn sinh năm 1967

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Thời hạn tạm giam là 30(ba mươi) ngày. Kể từ ngày 08/01/2018.

2/ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Công an huyện Đông Hưng
- VKSND huyện Đông Hưng
- Bị cáo
- Lưu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG
CHÁNH ÁN**

Nguyễn Thị Thúy Hoàn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

Số 79/2017/QĐXX- HS

Ngày 08/ 12 /2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Căn cứ vào các điều 39, 176 và 178 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số **75/2017/HSST** ngày **30/11/2017**

QUYẾT ĐỊNH

I/ Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Thủ, sinh năm 1981

Nguyễn Xuân Hưng sinh năm 1982

Đều trú tại: Thôn Hưng Quan, xã Trọng quan, huyện Đông Hưng Thái Bình.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H- ng, tỉnh Thái Bình truy tố về tội:

“*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Thời gian mở phiên tòa: 13 giờ 30 ngày 19 tháng 12 năm 2017

Địa điểm mở phiên tòa: Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Vụ án đ- ọc xét xử công khai.

II/ Những ngời tiến hành tố tụng.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Cự – Cán bộ hưu trí xã Đông Xuân huyện Đông Hưng

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch MTTQ thị trấn Đông Hưng.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Hà Huy Khoa, ông Nguyễn Hữu Hiễn, bà Nguyễn Thị Là, bà Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Vĩnh, Nguyễn Duy Quyển, Ông Mai Quý Hiệp, ông Nguyễn Quốc Tuấn

Th- ký Tòa án: Bà Bùi Thuận Yến- Cán bộ Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đào Thị Trà Giang – Kiểm sát viên

Kiểm sát viên dự khuyết:.....– Kiểm sát viên

III/ Những ngời tham gia tố tụng:

1. Các bị cáo: Nguyễn Trọng Thủ, Nguyễn Xuân Hưng.

2. Người bị hại: Ông Bùi Đức Rạng sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Thái Hòa 2 – Đông Hoàng – Đông Hưng – Thái Bình

3. Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn Hà – sinh năm 1987
 - Anh Bùi Đức Hiền sinh năm 2000
- Đều ở địa chỉ: Thôn Thái Hòa 2, xã Đông Hoàng, Đông Hưng, Thái Bình.

IV/ Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

Nơi nhận

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

-VKSND huyện Đông Hưng

Thẩm phán

-Bị cáo

-Lưu

Hà Thị Nhung

Đông Hưng, ngày 15 tháng 10 năm 2017

LỆNH TRÍCH XUẤT

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH.

Căn cứ vào quyết định xét xử số 71/2017/HSST- QĐ ngày 15 tháng 10 năm 2017

Yêu cầu: Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ Tư pháp công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Dẫn giải bị cáo sau đến phiên tòa sơ thẩm:

Tại: **Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Động, huyện Đông Hưng, Thái Bình**

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2017

Họ tên bị cáo: **Bùi Văn Đông**, sinh ngày 07/7/1997

Trú tại: Thôn Đông Hồ, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng - Thái Bình truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đông Hưng - Thái Bình

Nơi nhận

- Nhà tạm giữ CA huyện Đông Hưng
- Lưu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

Thẩm phán

Hà Thị Nhung

Đông Hưng, ngày 26/01/2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

Vào hồi giờ ngày 26/ 01/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Chủ tịch mặt trận tổ quốc thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng; Ông Lê Đình Cự – Cán bộ hưu trí xã Đông Xuân.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số 80/2017/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với:

Các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thiệu Tiến**, sinh năm 1996

HKTT: Thôn Hồng Phong, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2.

Bị

cáo **Phan Văn Duy** , sinh năm 1991

HKTT: Ấp Bàu Sôi, xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đông Khê, xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3.

Bị

cáo **Vũ Đình Dũng** , sinh năm 1991

HKTT: Thôn Hồng Phong, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

4.

Bị

cáo **Bùi Công Trình** , sinh năm 1992

HKTT: Thôn Cổ Dũng 1, xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình..

Căn cứ vào điều 229 và điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo tại phiên toà.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN , BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN CỤ THỂ NHƯ SAU

1) Về tội danh: Các bị cáo Nguyễn Trọng Thủ, Nguyễn Xuân Hưng phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Kết quả biểu quyết 3/3.

2) Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, Điểm g, p khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 53, Điều 33, Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Trọng Thủ và Nguyễn Xuân Hưng mỗi bị cáo 06(sáu) tháng tù được khấu trừ 09(chín) ngày các bị cáo bị tạm giữ . Mỗi bị cáo còn phải thi hành 05(năm) tháng 21(hai mươi một) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3) Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

Kết quả biểu quyết 3/3

4) Về xử lý tang vật: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 tròng chó có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 05/12/2017.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5) Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Trọng Thủ và Nguyễn Xuân Hưng mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6) Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền làm đơn kháng án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đất hợp lệ

Kết quả biểu quyết 3/3.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

